

Số : /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Nhiệm vụ: “Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bản quyền phần mềm”, thuộc Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 475/TTr-STC ngày 10/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Nhiệm vụ: “Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bản quyền phần mềm”, thuộc Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021.

2. Địa điểm thực hiện: Tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và trên địa bàn xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

5. Thời gian thực hiện, hoàn thành: Năm 2021 -2022.

6. Kết quả đầu tư:

a. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị theo CĐT đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	12.850.000.000	12.571.337.000	12.605.063.000
I	Chi phí thiết bị, phần mềm	12.133.137.730	12.017.232.000	12.017.232.000
1	Chi phí thiết bị		11.727.232.000	11.727.232.000
2	Triển khai IPV6 giai đoạn 2 (chuyển đổi mạng lõi)		290.000.000	290.000.000
II	Chi phí quản lý dự án	224.740.000	224.740.000	224.740.000
III	Chi phí tư vấn	305.032.600	288.870.000	288.870.000
1	Chi phí tư vấn Lập đề cương và dự toán chi tiết		173.850.000	173.850.000
2	Chi phí thẩm tra đề cương và dự toán chi tiết			
3	Chi phí lập Hồ sơ mời thầu - Mua sắm thiết bị		10.840.000	10.840.000
4	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu - Mua sắm thiết bị		10.840.000	10.840.000
5	Lập Hồ sơ mời thầu - Triển khai IPV6 giai đoạn 2		1.000.000	1.000.000
6	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu - triển khai IPV6 giai đoạn 2		1.000.000	1.000.000
7	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu		6.420.000	6.420.000
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu		6.420.000	6.420.000
9	Giám sát công tác triển khai		78.500.000	78.500.000
IV	Chi phí khác	152.844.300	40.495.000	74.221.000
1	Tư vấn thẩm định giá		30.000.000	30.000.000
2	Chi phí đăng tải thông báo mời thầu		495.000	495.000
3	Phí duy trì sử dụng địa chỉ IP		10.000.000	10.000.000
4	Chi phí kiểm toán độc lập			
5	Chi phí thẩm tra quyết toán			33.726.000

	dự án hoàn thành			
V	Chi phí dự phòng	34.245.000		
VI	Chênh lệch tròn số	370		

b. Nguồn vốn:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

T T	Nội dung	Dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyet	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán đề nghị phê duyet
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	<u>Tổng số</u>	12.850.000	12.605.063	12.571.337	33.726	
1	Vốn Ngân sách nhà nước	12.850.000	12.605.063	12.571.337	33.726	
	- Năm 2021			8.609.837		
	- Năm 2022			3.961.500		
	- Số còn được thanh toán tiếp				33.726	
	- Số phải thu hồi nộp NSNN					

c. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số			12.565.063.000	12.565.063.000

1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			12.565.063.000	12.565.063.000
2- Tài sản ngắn hạn				

d. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không
- Chi phí không tạo nên tài sản: Chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ vận hành thử nghiệm thuộc gói thầu Triển khai IPV6 giai đoạn 2: **40.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng*).

đ. Vật tư thiết bị tổn động: không

e. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

+ Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		12.605.063.000	
1	Vốn đã được thanh toán	12.571.337.000	
	Vốn Ngân sách tỉnh	12.571.337.000	
	- Năm 2020	8.609.837.000	
	- Năm 2021	3.961.500.000	
II	Vốn chưa được thanh toán	33.726.000	
III	Vốn phải thu hồi nộp NSNN		

+ Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- * Tổng nợ phải thu: không
- * Tổng nợ phải trả: 33.726.000 đồng (*Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành*).

- Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Ghi chú
1	2	3

Tổng cộng	12.565.063.000	
1. Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông (đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông)	12.358.603.000	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật , bản quyền phần mềm tại Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông
2. UBND xã Nhơn lý	206.460.000	Đầu tư Camera tại xã thí điểm

Điều 2.

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng, đơn giá và các hồ sơ có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ: “Đầu tư trang thiết bị tại Trung tâm giám sát, điều hành IOC và triển khai các dịch vụ của đô thị thông minh”, thuộc Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021 đã được nghiệm thu đưa vào Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; UBND xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang